

CHƯƠNG II.

Verviers (Belgique). Tôi đạp xe lửa từ Liège đi Verviers để tìm lại hơi hướm kỷ niệm xưa. Bốn năm trước, sau khi rời VN, Verviers là thành phố đầu tiên tôi cư ngụ. Thời gian một tháng ấy vẫn còn đau buồn quá trong trí nhớ. Một giấc mơ dữ mà khi tỉnh dậy, tôi vẫn mãi thấy lòng buồn bã băng khuâng.

Tôi không quên được cái lúc ngồi trên phi trường Amsterdam, thủ đô nước Hòa Lan, để chờ chuyến bay qua Bỉ. Mới 8 giờ rưỡi sáng mà tưởng như buổi chiều sắp tắt. Lần đầu tiên, tôi mới có một chút ý niệm về thời gian và không gian ở Âu Châu. Tâm trí lúc bấy giờ chỉ là quay cuồng nhớ thương ánh nắng chan hòa của vùng quê hương biển biệt. Ôi! Quê hương giờ đây nghìn trùng xa cách, đã vĩnh viễn mất đi trong mắt nhìn.

Và rồi tôi đến Verviers. Thành phố buồn tênh ấy đã chứng kiến không biết bao lần tôi mất ngủ, bao đêm trở giấc, tôi bật dậy vội vàng. Những giòng tâm sự tuôn tràn ra trên giấy. Những giòng đau khổ về một vùng trời phương Đông xa xôi bên kia bờ trái đất, nơi tôi đã chào đời, đã sống và lớn lên với muôn ngàn kỷ niệm...

Bốn năm sau trở về chốn cũ, đứng trên dốc cao nhìn xuống ngôi nhà tôi đã chôn giấu nỗi u hoài của mình thời gian thứ nhất, lòng sao thật ngậm ngùi ray rức. Cái gì rồi cũng bị xóa mờ theo năm tháng. Vậy mà nỗi đau của bốn năm trước, thời gian sao chẳng giúp người ngoại? Nỗi đau vẫn còn ắp đầy trong tâm thức. Và tôi vẫn nhớ, vẫn thương, vẫn khóc thầm theo vùng nắng ấm chan hòa của quê hương trong mọi giấc mơ... Mãi mãi...

□

Thứ Sáu ngày 30/12/1977, hát Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*/ Tiền Giang là tỉnh thứ hai của vùng đồng bằng sông Cửu Long, nằm ở bờ bắc sông Tiền (giòng chính của sông Cửu Long) sâu hơn sông Hậu.

*/ Bắc giáp tỉnh Long An thuộc khu vực sông Vàm Cỏ; tây giáp tỉnh Đồng Tháp; đông tiếp giáp với cửa Soài Rạp và biển Nam Hải; cả mặt nam là sông Tiền, bên kia bờ là tỉnh Bến Tre.

+ Kể từ sau tháng 4/1975, tỉnh Tiền Giang gồm hai tỉnh Gò Công và Mỹ Tho cũ gom chung lại.

*/ Toàn tỉnh là đồng bằng. Có những chỗ cao đôi chút gọi là "giòng đất" kéo dài với vài ba gò thấp. Tây và Tây Bắc có những vùng rất thấp vì đó là một phần của Đồng Tháp Mười.

*/ Đời Tây Sơn, Rạch Gầm và Xoài Mút là tên hai con rạch đổ ra sông Tiền, đã từng biến thành một bãi chiến trường dữ dội. Trong cuộc giao tranh giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn, đôi lần theo sự cầu viện của Nguyễn Ánh, nước Xiêm đem quân qua giúp chúa Nguyễn. Nhưng tiếng là giúp mà thật thì chỉ mang ý đồ chiếm đất, lại thừa cơ đi cướp bóc của người Việt, giống y như những kẻ đi xâm lược.

*/ Từ Qui Nhơn, vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc cử Nguyễn Huệ mang quân vào Gia Định tiếp viện cho Phò mã Trương Văn Đa.

+ Qua mấy trận đầu bất lợi, Nguyễn Huệ có phần nản theo tâm lý của kẻ đã quen chiến thắng. Một hàng Tướng tên Lê Xuân Giác (trước

theo Nguyễn Ánh, nay về đầu Tây Sơn) hiến kế cho bố trí mai phục, giếm các chiến thuyền của quân Tây Sơn ở quãng giữa Miệt Giang và Sầm Giang (Định Tường) rồi dụ cho quân Xiêm tới.

*/ Ngày 20/1 năm Ất Tỵ (1785), 10.000 thủy quân của hai anh em vua Xiêm Chiêu Tăng và Chiêu Sương xuôi dòng sông Tiền tiến đánh Mỹ Tho. Phần vì đã thắng nhiều, có ý khinh địch; phần vì ít am hiểu địa thế nên quân Xiêm đã tiến bừa đến Rạch Gầm - Xoài Mút, lọt vào trận địa đang mai phục. Vậy là trên bộ dưới thủy, quân Tây Sơn đổ ra khóa chặt đầu đuôi, tiêu diệt gần như toàn bộ quân địch. Chỉ còn số ít tàn dư tháo chạy được qua đất Miên.

*/ Thời Pháp thuộc, kể từ cuộc thất thủ của đại đồn Kỳ Hòa ngày 24-25 tháng 2 Tân Dậu (1861) (kéo dài cho đến 1875), các phong trào khởi nghĩa nổi lên ở Miền Nam càng dữ dội hơn. + Trong toàn Ba Miền nơi nào cũng có những anh hùng kháng Pháp.

*/ Riêng tại Mỹ Tho-Gò Công, có Đỗ Trình Toại, Trương Định và Thủ Khoa Huân.

*/ TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH (tên thật Trương Định nhưng về sau sĩ dân Miền Nam thêm chữ Công để tỏ lòng kính trọng và tuyên dương công trạng ông) là người thứ hai sau Tri huyện Toại đứng ra chiêu mộ nghĩa quân.

*/ Ông gốc Quảng Ngãi, theo cha là quan La binh Trương Cầm vào Gò Công sinh sống.

*/ Trong cuộc đắp lũy xây dựng đại đồn Kỳ Hòa, có Trương Định tham dự và lập công lớn nên ông được thăng hàm Phó Lãnh binh.

*/ Khi đại đồn Kỳ Hòa thất thủ, quan quân rút về Biên Hòa, Trương Định đem số dân binh theo mình về hoạt động ở đất Gò Công, tổ chức lực lượng, tiếp tục chiến đấu.

*/ Tháng 3 Tân Dậu (Mai 1861) (Tự Đức 14), Trương Định cùng em là Trương An và con là Trương Quyền đóng quân ở khu rừng nằm giữa Gò Công và Cần Đức. + Ông tung ra khẩu hiệu "Dân chúng tự vệ", truyền hịch đi khắp nước kêu gọi dân đứng lên chống Pháp và thu phục được rất nhiều lê dân dũng mãnh.

*/ Nghĩa quân nhiều nhóm các nơi cũng về theo ông.

*/ Ngày 12/4 Tân Dậu (21 Mai 1861), khi đô đốc Charner đem thủy bộ đánh chiếm Mỹ Tho thì một tên Thiếu tá Pháp đã bị nhóm Trương Định giết chết.

*/ Vào tháng 8 Tân Dậu (Sept. 1861), số dân quân lên đến hơn vạn người, Trương Định khởi sự cuộc khởi binh có qui mô hơn và nhiều lần thắng trận. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân mở rộng ra đến Mỹ Tho, Tân An, Chợ Lớn, Biên Hòa.

*/ Thấy ông cương quyết chống địch, vua Tự Đức mật phong cho ông chức Bình Tây Đại Nguyên Soái, nhờ đó dân chúng càng hưởng ứng đông thêm.

*/ Năm Nhâm Tuất 1862 (Tự Đức 15), Trương Định đến đóng đồn ở Gò Công, phòng thủ vững chãi rồi đốc xuất quân sĩ tấn công quân Pháp.

*/ Khi Hòa ước Nhâm Tuất (1862) được ký, trước sự khiếp nhược của triều đình Tự Đức, sĩ dân khắp Miền Nam đều rất tức giận, đổ lỗi cho hai ông Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp đã ký hòa ước bán nước và trách triều đình bỏ rơi nhân dân.

+ Câu đối "Phan Lâm mãi quốc, triều đình khi dân" (Phan Lâm bán nước, triều đình bỏ dân) lan truyền khắp các huyện lỵ, làng xã.

*/ Triều đình thấy việc Bắc Kỳ đương gấp mà ở Nam Kỳ thì chưa có gì mưu tính được, nên xuống dụ cho Phan Thanh Giản buộc các nghĩa quân Nam Kỳ giải giáp và đòi Trương Định ra nhận chức Lãnh Binh tỉnh An Giang.

*/ Trương Định không chịu về cung chức.

*/ Phan Thanh Giản nhiều lần khuyên nhủ, nhưng ông thề không cùng địch đồng sống. + Và nói với thị thần rằng: "Dân chúng như thế cũng giúp một phần sự mưu đồ của nước Nam, lẽ nào cứ nhất nhất răn dụ?"

*/ Pháp sủy du dỗ, ông cũng không chịu khuất.

*/ Nghĩa quân và nhân dân sáu tỉnh Nam Kỳ đồng lòng tôn Trương Định làm đầu mục; tiếp tục nhắm đánh vào các tiền đồn của địch bấy giờ là Phú Lâm, Bà Hom, Tân Hòa, Bến Lức, Tân An, Cây Mai.

*/ Ngày 17/12 Nhâm Tuất (4 Février 1863) (Tự Đức 15), Trương Định chỉ huy nghĩa quân tấn công đồn Rạch Trà (Mỹ Tho). + Đại úy Thủy quân Lục chiến Thouroude và tên lính Vidal ra sức chống đỡ đến phải bị giết mới cứu được quân sĩ cả đồn Pháp thoát chết.

*/ Ngày kế tiếp, 18/12 Nhâm Tuất (5 Février 1862), Trương Định chỉ huy 1.200 nghĩa quân tấn công đồn Thuộc Nhiều (ở khoảng giữa đồn Cây Mai và Mỹ Tho) do Đại úy Thủy quân Lục chiến Taboulet chống giữ, đã làm cho quân Pháp trong đồn phải rất khốn đốn.

*/ Thấy những cuộc âm mưu của nghĩa quân ngày càng kịch liệt, Đô đốc Bonard cử tay sai Tôn Thọ Tường đến điều đình với Trương Định để giải binh nhưng ông từ chối và càng hoạt động mạnh hơn bao giờ.

*/ Thất bại, Bonard phải cầu cứu đến Thiếu tướng Jaurès khi ấy đang đóng ở mặt trận bên Tàu, cho đưa sang nửa đại đội pháo thủ người Algérie và một đại đội bộ binh người Ma Rốc; thêm người Tây Ban Nha từ Manille tiếp sang 800 quân nữa.

*/ Có viên binh trong tay, Thiếu Tướng Jaurès mới giải vây được cho thành Biên Hòa và chiếm con đường Bến Lức, rồi tiến đánh Gò Công (nơi Pháp đã bị đánh xiềng liếng từ ngày 1/3 Nhâm Tuất --30 Marc 1862-- đến nay).

*/ Để diệt cánh Trương Định, quân Pháp phải dùng toàn lực và sắp đặt chu đáo. Trước hết họ đánh phá các đồn lũy của nghĩa quân xây dựng quanh Gò Công, rồi tiến tới trên đường thủy và đường bộ, vây bọc bốn mặt, có nhiều lần tàu thủy cũng dự chiến.

*/ Ngày 8/1 Quý Hợi (25 Février 1863) (Tự Đức 16), Thiếu tướng Pháp Chaumont và Đại tá Tây Ban Nha Palanca Gutierrez đem quân đánh chiếm Gò Công.

*/ Sáng sớm ngày 8/1, sau khi đã nã đại pháo vào các mục tiêu chỉ định, chúng xua quân tấn kích.

*/ Biết địch quá đông, nghĩa quân phải bỏ tất cả súng ống quân dụng, rút lui hỗn loạn trước hỏa lực hùng hậu của đối phương.

*/ Thế là bao nhiêu công trình của Bình Tây Đại Nguyên Soái xây dựng gần một năm trời bị tan tành trong chỉ một ngày đương đầu với giặc.

*/ Trong trận này, Pháp bị tổn thất nhẹ, nhưng binh lính lại vương ốm đau rất nhiều sau những ngày chuyển quân vất vả qua những cánh đồng lầy lội và phá hủy các chướng ngại vật của nghĩa quân dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt.

*/ Đuổi xong cánh Trương Định rồi, nhóm viện binh Pháp từ Tàu đưa sang và toàn thể quan quân Tây Ban Nha mới trở về nước.

*/ Phần Trương Định và nghĩa quân thì rút về trên mấy hòn đảo bùn lầy thuộc vàm sông Soài Rạp và Đầm Trang, tục gọi là khu "Đám lá tối trời", tỉnh Biên Hòa, có đường thông ra biển và ra Bình Thuận.

*/ Quân Pháp được tin lại tìm đến truy kích. Bị tấn công, nghĩa quân rút về Tân An, Chợ Gạo.

*/ Tình hình ngày càng thêm khó.

*/ Năm Giáp Tý (1864) (Tự Đức 17), Trương Định và đám nghĩa quân bị bao vây trong các cánh rừng dừa nước ven sông Vàm Cỏ, phải chạy về trú tại làng Kiểng Phước ở phía hữu ngạn sông Soài Rạp (Gò Công).

*/ Trước đây, vào năm Nhâm Tuất (1862), một thuộc hạ cũ của Trương Định tên Huỳnh Công Tấn, vì phạm lỗi nên bị ông trách quở, đã chạy sang đầu hàng giặc.

+ Bây giờ khi Trương Định thất thế, tên Đội Cấn này biết được nơi ẩn náu của ông nên xin với quan Tây mang một tiểu đội thân binh đi lùng bắt.

*/ Khuya 19/8 Giáp Tý (19 Sept. 1864), Huỳnh Công Tấn dẫn quân đến bao vây làng Kiểng Phước.

+ Trương Định và 25 nghĩa quân quyết tử chiến với bọn phản quốc.

+ Kết quả, Trương Định trúng đạn nơi xương sống, bị thương nặng, rồi rút gươm tự vẫn.

+ Năm ấy ông 44 tuổi.

*/ Con trai ông là Trương Quyền lên thay, cùng nghĩa quân chạy sang Tây Ninh liên kết với nhà sư Miên là Pu Campo (người duy nhất trong lịch sử Miên đã đứng lên chống thực dân xâm lăng), tiếp tục kháng chiến và thắng ở các trận Thuận Kiều, Trảng Bàng, Tây Ninh, Long Trì...

+ Sau bị thất bại, Trương Quyền hy sinh.

*

**

Cái Bè, một trong sáu huyện của tỉnh Tiền Giang, cách Sài Gòn 109km, là thị trấn cuối đường nằm giữa các nhánh sông. Nơi đây có chợ nổi bán đủ các loại trái cây, đặc biệt là quả xoài.

Sân khấu lộ thiên được dựng tại sân banh.

Trong đoàn hát, nhiệm vụ của tổ Tân Nhạc là hòa tấu các bài bản tân nhạc nửa tiếng đồng hồ trước khi mở màn và ở các lúc đổi màn. Ngoài ra là đệm nhạc tuồng. Phần đệm nhạc này không nhất thiết cả bảy người cùng có mặt. Tùy theo đoạn tuồng hay sự biểu lộ tình cảm của nhân vật mà một hay hai nhạc khí tấu lên một câu ngắn để phụ họa cho hợp tình hợp cảnh lúc đó. Vì thế, so với tổ Cổ Nhạc phải ngồi suốt từ đầu đến cuối để đệm theo các điệu ca của diễn viên, tổ Tân Nhạc tương đối nhàn hơn.

Đêm hát Cái Bè, khán giả ngồi chồm hổm phía sau giàn Tân, Cổ Nhạc nhìn lên sân khấu. Trời tháng Giêng dương lịch đã nhuốm lạnh, báo hiệu sự sắp trở về của mùa Tết Nguyên Đán. Trong màn I của vở Phụng Nghi Đình, cô đào Út Bạch Lan sắm vai Vương Doãn, viên quan tư đồ nhà Hán, năm 191 sau công nguyên, mượn tay một thị nữ tên Điêu Thuyền, dùng kế mỹ nhân tiêu diệt tên loạn thần Đổng Trác. Có một lúc cô đã gào lên hai chữ "Điêu Thuyền" thật lớn. Tiếng gào nghe sao bi thiết, diễn tả nên không biết bao nhiêu nỗi ưu tư của

một vị trung thần trước thế cuộc đảo điên thời ấy... Lập tức, cả tâm hồn tôi rung động. Chỉ trong một giây, tôi “*cảm*” được cái đẹp lạ lùng của nghệ thuật Cải Lương.

Không phải bây giờ, mà đã từ 13 năm trước, tôi và giới Cải Lương đã từng có cơ duyên tạo ngộ. Là bạn thân cùng lớp trong trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn với cô con gái thứ nhì của soạn giả Năm Châu và nữ nghệ sĩ Kim Cúc, tôi được cô bạn nhờ chơi nhạc đệm trong vở hát Sân Khấu Về Khuya của ông Năm Châu thời gian ra mắt đầu tiên.

Đây là một vở tuồng xã hội nên phần nhạc đệm được trích ra từ các đoạn khúc cổ điển Tây Phương có âm điệu buồn áo nã. Tuy nhiên, ý niệm về loại nhạc đệm trong một tuồng Cải Lương từ dạo ấy đã có trong tôi. 13 năm xưa, với tôi, Cải Lương là một thế giới vô cùng xa lạ. Dầu rằng trong suốt ba tháng trình diễn vở *Sân Khấu Về Khuya* tại các rạp Sài Gòn, tôi vẫn đến chơi nhạc mỗi tối, vẫn có dịp chuyện trò cùng các đào kép trong đoàn Thanh Minh, vẫn được cô đào Thanh Nga tên tuổi lừng danh gọi là “*cung*” như đã gọi cô bạn, vẫn được soạn giả Năm Châu và anh kép Thành Được nổi tiếng đưa về mỗi khuya sau khi tan hát; nhưng thật sự vẫn có một cái hố không tên nằm chắn trrong óc để tôi nghĩ rằng không bao giờ tôi và họ có thể đến gần nhau được.

13 năm sau, tôi lại có dịp gặp các khuôn mặt xưa, thêm những khuôn mặt mới, trong cùng một môi trường sống. Nếp nghĩ của tôi đã sai bởi vì ngày nay trong tôi thật đã có một thay đổi lớn. Tôi ưa thích các vở hát Cải Lương, thân cận gần gũi hơn với các con người Cải Lương. Tôi say mê cái đời giang hồ đầy đó. Trên hết, tiếng gào bi thiết của nữ nghệ sĩ Út Bạch Lan trong đêm hát Cải Bè vẫn suốt đời còn vang dội trong ký ức tôi.

□